

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 24-7-2025

V/v: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Đức và bà Dương Thị Bình.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**; địa chỉ trụ sở chính: Số H L, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 10/2025/UQN-CTQT ngày 12/02/2025): Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng Phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số: 7999/2025/UQ-KHCN ngày 07/7/2025): Ông Nguyễn Văn D1 - Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Văn C - Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng D, số A P, thành phố Đà Nẵng. Ông D1 có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh T1**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường A, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21/4/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn D1 trình bày:*

Ngày 18/01/2024, Ngân hàng TMCP V (V2) có ký kết với bà Nguyễn Thị Ánh T1 Hợp đồng cho vay số LN2401171608587. Số tiền vay 157.500.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn: 29%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

Cùng ngày, V2 đã giải ngân cho bà T1 số tiền nêu trên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T1 đã thanh toán cho V2 tổng số tiền là: 13.212.273 đồng. Đến ngày 19/04/2024, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 24/7/2025, bà Nguyễn Thị Ánh T1 còn nợ V2 tổng số tiền là: 219.445.322 đồng. Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 151.742.424 đồng; lãi trong hạn: 49.239.249 đồng; lãi quá hạn: 15.066.430 đồng; lãi chậm trả: 3.397.219 đồng.

Hiện tại V2 cam kết chưa bán khoản vay của bà T1 cho bất kỳ Công ty nào. Vì bà T1 đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận thanh toán với V2, nên V2 khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc; nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2025 là: 219.445.322 đồng. Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 151.742.424 đồng; lãi trong hạn: 49.239.249 đồng; lãi quá hạn: 15.066.430 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày

25/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà T1 trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Ánh T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: 219.445.322 đồng. Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 151.742.424 đồng; lãi trong hạn: 49.239.249 đồng; lãi quá hạn: 15.066.430 đồng; lãi chậm trả: 3.397.219 đồng (lãi tạm tính đến ngày 24/7/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm

Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024.

*** Về chứng cứ:**

Giấy đăng ký kèm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024.

Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Ánh T1 là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đăng ký kèm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Ánh T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc

dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 19/04/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải trả số tiền: 219.445.322 đồng. Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 151.742.424 đồng; lãi trong hạn: 49.239.249 đồng; lãi quá hạn: 15.066.430 đồng; lãi chậm trả: 3.397.219 đồng, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2025 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 25/7/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024 cho đến khi bà T1 thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[3]. Về án phí DS-ST: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 219.445.322 đồng, tương ứng 10.972.266 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Ánh T1.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: 219.445.322 đồng (*Hai trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 151.742.424 đồng; lãi trong hạn: 49.239.249 đồng; lãi quá hạn: 15.066.430 đồng; lãi chậm trả: 3.397.219 đồng (lãi tạm tính đến ngày 24/7/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay số LN2401171608587 ngày 18/01/2024.

2. Án phí DS- ST: 10.972.266 đồng (*Mười triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi sáu đồng*) bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.080.490 đồng (*Năm triệu không trăm tám mươi ngàn bốn trăm chín mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007957 ngày 28/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng - nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện KSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Đông Thanh

